

Số: **63** /BC-UBND

Hải Dương, ngày **29** tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2017, những nhiệm vụ chủ yếu năm 2018

Trên cơ sở các báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đánh giá về chỉ số PCI năm 2017 của các tỉnh, thành phố trên toàn quốc; Báo cáo của Tổ Công tác PCI; Báo cáo số 05/BC-HĐ ngày 15/01/2018 của Hội đồng đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính tỉnh về kết quả đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2017; Báo cáo số 19/BC-HĐCCHC ngày 16/01/2018 của Hội đồng đánh giá, xác định chỉ số cải cách hành chính tỉnh về kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2017; Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư và báo cáo của một số Sở, ngành, địa phương của tỉnh, UBND tỉnh báo cáo về kết quả chỉ số PCI của tỉnh năm 2017 như sau:

I. Tổng quan về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Theo báo cáo của VCCI thì Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (*Provincial Competitiveness Index, viết tắt là PCI*) là chỉ số đánh giá môi trường kinh doanh, chất lượng điều hành kinh tế và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền các tỉnh, thành phố, qua đó thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân trong nước.

PCI được xác định thông qua hệ thống các chỉ số thành phần. Mỗi chỉ số thành phần có một trọng số và bao gồm một số chỉ tiêu cấu thành, phản ánh những lĩnh vực, khía cạnh khác nhau của các cơ quan, chính quyền các cấp có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của doanh nghiệp.

Chỉ số PCI gồm 10 chỉ số thành phần. Một địa phương được coi là có chất lượng điều hành tốt khi có: 1) Chi phí gia nhập thị trường thấp; 2) Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định; 3) Môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh công khai; 4) Chi phí không chính thức thấp; 5) Thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng; 6) Môi trường cạnh tranh bình đẳng; 7) Chính quyền tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp; 8) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, chất lượng cao; 9) Chính sách đào tạo lao động tốt và 10) Thủ tục giải quyết tranh chấp nhanh chóng, công bằng, hiệu quả của các cơ quan tòa án các cấp và bảo đảm tốt công tác an ninh trật tự cho hoạt động của doanh nghiệp.

Trong 10 chỉ số thành phần, những chỉ số thành phần nào tác động lớn nhất đến phát triển của doanh nghiệp sẽ được gán với trọng số cao nhất. Theo

cách tính của VCCI thì các chỉ số được gán trọng số cao nhất 20%, như: Tính minh bạch; đào tạo lao động; dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp đây là các chỉ số thành phần quan trọng nhất trong điều hành kinh tế cấp tỉnh. Các chỉ số tiếp cận đất đai, chi phí không chính thức được gán với trọng số là 10%. Còn lại 4 chỉ số đó là chi phí ra nhập thị trường, chi phí thời gian, cạnh tranh bình đẳng và tính năng động được gán với trọng số 5%.

Về cách đánh giá: Năm 2017, số lượng doanh nghiệp dân doanh được tham gia điều tra 10.245 doanh nghiệp (*doanh nghiệp FDI có 1.700 DN*), trong đó có 2.003 DN mới thành lập trong 2 năm 2016 và 2017 tham gia đánh giá về những trải nghiệm về thủ tục hành chính và chất lượng điều hành của các cơ quan chính quyền địa phương trong quá trình hoạt động kinh doanh. Trong đó có trên 2.800 DN gửi phiếu đánh giá, đạt khoảng 26%. Ngoài ra VCCI còn hỏi và tổng hợp trên cơ sở đánh giá của một số Bộ, ngành Trung ương.

Năm 2017, chỉ số PCI được đánh giá bằng 10 chỉ tiêu thành phần (như năm 2016). Tuy nhiên về chỉ số cụ thể của 10 chỉ số thành phần có thay đổi so với năm 2016 (*năm 2017 có 128 chỉ tiêu cụ thể, tăng 17 chỉ số, chủ yếu bổ xung các chỉ số cụ thể để đánh giá về cải cách thủ tục hành chính theo hướng hiện đại; về tiếp cận đất đai; chi phí thời gian; chi phí không chính thức; về công tác đảm bảo an ninh trật tự*).

II. Kết quả của tỉnh Hải Dương năm 2017

Theo kết quả công bố của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam, năm 2017, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh đạt 60,36 điểm (*tăng 2,41 điểm so với năm 2016*), xếp thứ 49 trong cả nước (*giảm 13 bậc so năm 2016*); xếp thứ 10/11 trong Vùng đồng bằng sông Hồng (*năm 2016 xếp thứ 9*); xếp trong топ trung bình của cả nước.

Trong xu thế sự chênh lệch điểm số PCI giữa các tỉnh ngày càng thu hẹp lại (*chỉ trong phạm vi 0,8 điểm nhưng phải phân ngói bậc cho 05 tỉnh*), đòi hỏi các tỉnh thực sự muốn cải thiện thứ hạng trong bảng xếp hạng thì phải nỗ lực bứt phá để cải thiện môi trường kinh doanh nhanh và mạnh mẽ hơn nữa. Ở khu vực khá và trung bình (*Thanh Hóa đứng thứ 28 cuối cùng топ khá đạt 62,46 điểm, Hải Dương đứng thứ 49 gần cuối топ trung bình đạt 60,36 điểm, như vậy chỉ lệch nhau 2,1 điểm đã làm lệch đến 21 bậc*). Năm 2017, hầu hết các tỉnh đều tăng điểm và tăng nhanh hơn Hải Dương, nên dù Hải Dương có tăng 2,41 điểm so với năm trước nhưng vẫn bị tụt đến 13 hạng.

Theo kết quả đánh giá từng chỉ số thành phần được tổng hợp trên cơ sở ý kiến đánh giá của một số doanh nghiệp và một số Bộ, ngành trung ương, kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2017 của tỉnh, như sau:

Trong tổng số 10 chỉ số thành phần PCI, năm 2017, có 6 chỉ số tăng điểm so với năm 2016; có 4 chỉ số giảm điểm so với năm 2016.

- 6 chỉ số tăng điểm so với năm 2016, đó là: Tiếp cận đất đai 6,68 điểm (tăng 1,05 điểm); chi phí thời gian 6,32 điểm (tăng 0,2 điểm); chi phí không chính thức 5,46 điểm (tăng 0,24 điểm); dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp 6,17 điểm (tăng 0,89 điểm); đào tạo lao động 6,91 điểm (tăng 0,37 điểm); thiết chế pháp lý 5,63 điểm (tăng 0,34 điểm).

- 4 chỉ số giảm điểm (giảm 1,5 điểm), đó là: Gia nhập thị trường đạt 7,67 điểm (giảm 0,82 điểm); tính minh bạch đạt 5,45 điểm (giảm 0,26 điểm); cạnh tranh bình đẳng đạt 4,45 điểm (giảm 0,11 điểm); tính năng động của chính quyền đạt 4,93 điểm (giảm 0,31 điểm).

Tất cả các chỉ số của Hải Dương (*kể cả tăng điểm và giảm điểm*) đều chỉ đạt ở mức trung bình. Trong từng chỉ số thành phần, có một số chỉ số cụ thể tăng điểm hơn năm 2016, đồng thời có những chỉ số cụ thể giảm điểm hơn năm 2016.

1. Kết quả đánh giá các chỉ số PCI

1. *Chỉ số gia nhập thị trường (trọng số 5%)*: đạt 7,63 điểm (*năm 2016 đạt 8,49 điểm, giảm 0,84 điểm*), xếp vị trí thứ 6/11 của vùng Đồng bằng Sông Hồng (*bằng năm 2016*).

Chỉ số này năm 2017 được đánh giá bằng 10 chỉ tiêu cụ thể (*năm 2016 được đánh giá bằng 12 chỉ số*). Qua báo cáo của VCCI thì cơ bản chỉ số này của các tỉnh, thành phố số điểm đều giảm hơn so với năm 2016 (*từ 0,5-0,8 điểm; có 14 tỉnh giảm nhiều từ 1 đến 1,9 điểm*).

Từ kết quả đánh giá chỉ số này cho thấy cơ bản tất cả các chỉ tiêu cụ thể đều tăng điểm so với năm 2016, đã có bước chuyển biến tích cực về tạo điều kiện cho các doanh nghiệp rút ngắn được thời gian hoàn thiện các thủ tục ra nhập thị trường, như: Rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục về thay đổi đăng ký kinh doanh, thực hiện thủ tục hành chính tại bộ phận Một cửa đã có nhiều chuyển biến.

Tuy nhiên, trong chỉ số này còn một số chỉ tiêu cụ thể tuy tăng điểm hơn năm 2016, nhưng số điểm chỉ bằng mức trung bình của cả nước (*như chỉ số đánh giá về công khai thủ tục hành chính; năng lực và tinh thần trách nhiệm của cán bộ tại bộ phận "một cửa"; ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC*).

Trong chỉ số này còn một chỉ tiêu cụ thể còn tồn tại và làm giảm điểm như: Thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức mới (*trực tuyến, trung tâm hành chính công, bưu điện*) đạt tỷ lệ còn thấp (*13% DN đánh giá bằng trung bình của cả nước*).

2. *Chỉ số tiếp cận đất đai (trọng số 10%)*: Đạt 6,68 điểm (*năm 2017 đạt 5,63 điểm, tăng 1,05 điểm so với năm 2016*). Chỉ số này được đánh giá 12 chỉ số tiêu cụ thể (*tăng 3 chỉ số tiêu so với năm 2016*).

Qua phân tích chỉ số này cho thấy: Đã có nhiều chỉ tiêu cụ thể tăng điểm so với năm 2016, việc cải cách và giải quyết các thủ tục về đất đai của các cấp, các ngành cũng đã có bước chuyển biến, thực hiện các thủ tục về đất đai được thuận lợi hơn đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận có mặt bằng hoặc mở rộng mặt bằng và sử dụng đất đai ổn định cho hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên trong chỉ số này còn một số chỉ tiêu cụ thể đánh giá (*về rủi ro khi bị thu hồi đất, về thực hiện chính sách bồi thường khi DN bị thu hồi đất; thủ tục cấp GCNQSD đất; gặp khó khăn trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai;*) tuy tăng điểm hơn năm 2016, nhưng số điểm chỉ bằng mức trung bình của cả nước.

Tuy nhiên, trong chỉ số này DN đánh giá còn có một số hạn chế và làm giảm điểm của chỉ số này, như: Thời gian cấp GCN QSD đất còn kéo dài (*năm 2016: 17,5 ngày, năm 2017 là 20 ngày*); công tác GPMB còn chậm (*19% DN đánh giá*); thực hiện thủ tục về đất đai còn khó khăn (*số DN đánh giá không gặp khó khăn: 26% DN ; năm 2016 là 40,3% DN*); còn một số doanh nghiệp thiếu quỹ đất cho sản xuất kinh doanh, tiếp cận thông tin về đất đai còn khó khăn.

3. *Chỉ số tính năng động của chính quyền tỉnh (trọng số 5%):* Đạt 4,93 điểm (*năm 2016 đạt 5,24 điểm, giảm 0,31 điểm so với năm 2016*).

Từ kết quả đánh giá các chỉ tiêu cụ thể cho thấy Lãnh đạo tỉnh đã thường xuyên quan tâm đến hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tạo môi trường thuận lợi cho DN hoạt động; kịp thời triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của Nhà nước, của tỉnh liên quan tới hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; tích cực chỉ đạo, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, những kiến nghị, đề nghị của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên còn một số tồn tại, và làm giảm điểm chỉ số này, như: Tính chủ động, năng động và sáng tạo của các Sở, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện một số chủ trương và thực thi các cơ chế, chính sách còn chậm; cảm nhận của doanh nghiệp về các cấp chính quyền của tỉnh chưa được tích cực, chưa hài lòng với việc phản hồi và cách giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

4. *Chỉ số tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin (có 13 chỉ số cụ thể):* Chỉ số này của tỉnh chỉ đạt 5,45 điểm (*năm 2016 đạt 5,71 điểm, giảm 0,26 điểm, tiếp tục giảm từ năm 2015 đến nay*); điều rất nghiêm trọng vì đây là chỉ số có trọng số 20%, nhưng lại xếp hạng 62/63 tỉnh, thành và đây là một trong những nguyên nhân chính để năm 2017 Hải Dương tụt hạng sâu.

Qua báo cáo của VCCI, thì đánh giá của doanh nghiệp về tính công khai minh bạch các tài liệu quy hoạch các ngành, các lĩnh vực, các tài liệu pháp lý và các tài liệu, thủ tục về công tác thuế cơ bản chưa được cải thiện so với năm 2016

và còn nhiều hạn chế, doanh nghiệp còn khó khăn trong việc tiếp cận. Chỉ số này có 4 chỉ tiêu giảm điểm và còn một số tồn tại chủ yếu sau:

- Tiếp cận, nghiên cứu và khai thác sử dụng của doanh nghiệp với các liệu pháp lý, về tài liệu quy hoạch của ngành, lĩnh vực và một số thông tin liên quan đến hoạt động DN (*thông tin mời thầu...*) còn khó khăn; phải thông qua cán bộ của các cơ quan nhà nước để tiếp cận. Tỷ lệ doanh nghiệp được cung cấp thông tin còn thấp (44%, năm 2016 là 66%).

- Tình trạng doanh nghiệp vẫn phải gặp và thương lượng với cán bộ thuế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh chưa được cải thiện so với năm 2016 (năm 2016 48,67%; năm 2017 50,51%).

- Số DN truy cập vào Website của UBND các cấp thấp hơn so với năm 2016 và trung bình của cả nước (năm 2017: 63%; năm 2016 73,8%).

- Vai trò của Hiệp hội, Hội doanh nghiệp tỉnh tuy đã được phát huy tích cực hơn năm 2016, nhưng vẫn còn hạn chế trong việc tham gia xây dựng và phản biện các chính sách, các quy định của tỉnh.

5. *Chỉ số chi phí thời gian (trọng số 5%) (có 13 chỉ tiêu; năm 2016 có 9 chỉ tiêu):* Đạt 6,32 điểm (tăng 0,21 điểm so năm 2016 đạt 6,12 điểm, tiếp tục tăng điểm từ 2015 đến nay), tuy nhiên vẫn chỉ đứng thứ 40 cả nước.

Qua báo cáo của VCCI, thì đánh giá của doanh nghiệp về chỉ số này đã có những chuyển biến về giảm thời gian tìm hiểu và thực hiện các quy định của Nhà nước; cán bộ nhà nước giải quyết công việc được đánh giá hiệu quả hơn, thân thiện hơn. Thủ tục, giấy tờ đã đơn giản hơn, thời gian thực hiện thủ tục hành chính một số lĩnh vực đã được rút ngắn so với quy định.

Tuy nhiên, chỉ số này có một chỉ tiêu cụ thể giảm điểm và còn một số tồn tại chủ yếu, đó là: Chi phí nhiều thời gian của DN cho công tác thanh tra, kiểm tra còn lớn, như: Số giờ làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế tăng rất cao so với 2016 (24 giờ, năm 2016 là 8 giờ); Nội dung thanh tra, kiểm tra của một số cuộc còn trùng lặp (13,4% mức TB của cả nước); kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành và địa phương còn lớn, tỷ lệ DN bị thanh tra, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên vẫn còn (7% mức trung bình của cả nước).

6. *Chỉ số chi phí không chính thức (trọng số 10%) (được đánh giá bằng 10 chỉ tiêu; năm 2016 là 5 chỉ tiêu):* Đạt 5,46 điểm (tăng 0,23 điểm so 2016).

Qua đánh giá trong 5 chỉ số so với năm 2016 thì có 3 chỉ số thấp hơn năm 2016, như: một số doanh nghiệp vẫn phải chi phí không chính thức cao trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, vẫn còn hiện tượng tiêu cực, những nhiều khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp: tỷ lệ số doanh nghiệp phải chi phí không chính thức còn lớn hơn so với năm 2016, đặc biệt là các chi phí không chính thức trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, như: Chi trả cho cán

bộ thanh tra, kiểm tra còn lớn (54% cao hơn TB của cả nước 51%); chi trả cho việc làm thủ tục đất đai.

7. *Chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (trọng số 20%):* Đạt 6,17 điểm (tăng 0,89 điểm so với năm 2016).

Từ kết quả đánh giá chỉ số này cho thấy, tỷ lệ các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ và chất lượng các dịch vụ phục vụ cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đã được cải thiện khá rõ so với 2016; các doanh nghiệp cũng đã quan tâm hơn trong việc sử dụng các loại hình dịch vụ trên địa bàn tỉnh cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là dịch vụ tìm kiếm thị trường, đối tác kinh doanh, xúc tiến thương mại, khoa học công nghệ....

Tuy nhiên, còn một số chỉ số cụ thể đánh giá về số lượng, chất lượng các dịch vụ trên địa bàn tỉnh đều bằng và thấp hơn mức trung bình của cả nước như: tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh cho doanh nghiệp còn thấp (thấp hơn trung bình cả nước); các dịch vụ liên quan đến thông tin thị trường, tìm kiếm đối tác kinh doanh; đào tạo; khoa học công nghệ; niềm tin của danh nghiệp đối với các dịch vụ trên.

8. *Chỉ số đào tạo lao động (trọng số 20%):* Đạt 6,91 điểm (tăng 0,53 điểm so với năm 2016, liên tục tăng từ 2015 đến nay).

Từ kết quả đánh giá chỉ số này cho thấy, số lượng và chất lượng lao động đã qua đào tạo, chất lượng các dịch vụ giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng; doanh nghiệp ngày càng quan tâm sử dụng các dịch vụ giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, qua đánh giá của các doanh nghiệp: Vẫn còn một số chỉ tiêu cụ thể tuy có tăng hơn 2016, cao hơn mức trung bình của cả nước nhưng không nhiều, như: số lượng dịch vụ giới thiệu việc làm và sử dụng của doanh nghiệp đối với các loại dịch vụ này; Tỷ lệ lao động tốt nghiệp qua đào tạo; chất lượng nguồn lao động... Số kinh phí DN phải bỏ ra cho công tác đào tạo lao động, đào tạo lại lao động, cho tuyển dụng lao động ngày càng lớn.

9. *Chỉ số thiết chế pháp lý (trọng số 5%) (được đánh giá bằng 14 chỉ tiêu; năm 2016 là 12 chỉ tiêu):* Năm 2017 đạt 5,63 điểm (tăng 0,34 điểm so với năm 2016).

Qua báo cáo của VCCI, thì đánh giá của doanh nghiệp về chỉ số này đều tăng điểm ở hầu hết các chỉ số:

- Cơ quan trợ giúp pháp lý đã tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp. DN đã tin tưởng vào các cơ quan giải quyết các vụ việc tranh chấp hành chính của các DN, đúng pháp luật, nhanh chóng, công bằng. Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết cao hơn so với năm 2016 (70%; năm 2016 53,8%).

- Tuy nhiên, các chỉ số tăng điểm không nhiều, chưa có sự bứt phá thực sự trong công tác giải quyết các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện hành chính cho DN thông qua tòa án các cấp.

- Một số chỉ tiêu cụ thể giảm điểm so với năm 2016 và thấp hơn trung bình của cả nước như: Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại tòa án tỉnh; số doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp; cơ chế giúp doanh nghiệp tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ; tin tưởng của doanh nghiệp vào pháp luật bảo vệ về bản quyền và hợp đồng; xét xử của toàn án các cấp; niềm tin của danh nghiệp vào việc sử dụng tòa án các cấp trong giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện.

- Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh chưa được nhiều doanh nghiệp đánh giá cao, tình trạng doanh nghiệp bị mất tài sản vẫn còn xảy ra (*chỉ có 47% số DN đánh giá là tốt; 12% số DN bị mất tài sản*)

10. *Chỉ số cạnh tranh bình đẳng (12 chỉ tiêu)*: Chỉ số này đạt 4,45 điểm liên tục giảm điểm so với năm 2015 và năm 2016 (*giảm 0,11 điểm so với 2016; giảm 0,53 điểm so với năm 2015*). Xếp ở vị trí 07/11 của Vùng ĐBSH và 50/63 cả nước.

Qua báo cáo của VCCI thì chỉ số này giảm điểm ở một số chỉ tiêu đánh giá cụ thể như: Môi trường kinh doanh chưa bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Doanh nghiệp tư vẫn cho rằng tình ưu ái doanh nghiệp Nhà nước và các doanh nghiệp FDI hơn (*Đối với DNNN tình ưu ái hơn trong giải quyết các TTHC, trong tiếp cận các nguồn tín dụng. Đối với các doanh nghiệp FDI được ưu tiên hơn trong thu hút đầu tư, trong giải quyết những khó khăn, vướng mắc, trong tiếp cận đất đai*).

2. Đánh giá chung

2.1. Những kết quả đạt được:

- Năm 2017, tỉnh tiếp tục tập trung ban hành và chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Đề án, quy định, Chỉ thị; chỉ đạo tổ PCI của tỉnh tiếp tục chỉ đạo và đôn đốc các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã trong quá trình thực hiện nhằm đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Các Sở, ngành, địa phương đã quan tâm hơn trong việc quán triệt, triển khai triển khai và đã đạt được những kết quả trong thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được UBND tỉnh giao.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính đã có chuyển biến, các Sở, ngành tiếp tục kiện toàn hoạt động của bộ phận “một cửa”, rà soát công bố công khai các thủ tục hành chính, các quy định của Nhà nước và của tỉnh, các quy hoạch,

kế hoạch theo quy định, phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính của một số lĩnh vực đã từng bước được rút ngắn.

- Lãnh đạo tỉnh, các Sở, ngành, UBND cấp huyện đã quan tâm chỉ đạo thực hiện các giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp, như thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, đào tạo lao động, giới thiệu việc làm, cung cấp các thông tin liên quan tới doanh nghiệp; mở các chuyên mục hỏi đáp, tổ chức gặp và đối thoại, nắm bắt và giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp trong đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển.

- Hiệp hội doanh nghiệp và các Hội doanh nghiệp của tỉnh đã có một số hình thức hoạt động nhằm nắm bắt thường xuyên về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hội viên, những khó khăn, vướng mắc, những đề xuất, kiến nghị để đề xuất với các cơ quan nhà nước giải quyết. Đã phối hợp với các cơ quan nhà nước của tỉnh trong giải quyết những khó khăn, vướng mắc, những đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp.

- Nhiều chỉ số cụ thể đã có bước cải thiện đáng kể so với năm 2016; Môi trường đầu tư, kinh doanh ở một số lĩnh vực đã được cải thiện, đã tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh.

2.2. Những tồn tại, hạn chế:

- Trong các chỉ số thành phần cấu thành chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh được đánh giá thì điểm còn chưa cao, một số chỉ số thành phần còn ở mức trung bình (*gần trung vị*); hai chỉ số thành phần còn dưới mức trung bình. Trong 10 chỉ tiêu, có chỉ tiêu cụ thể tăng điểm, có một số chỉ tiêu cụ thể giảm điểm so với năm 2016, trong số chỉ tiêu cụ thể giảm điểm có một số chỉ tiêu đều giảm liên tục so với năm 2015 và năm 2016.

- So với các tỉnh, thành phố, mức cải thiện của phần lớn các chỉ tiêu chưa nhiều, trong khi đó một số chỉ tiêu cụ thể còn giảm so với năm 2016, dẫn đến môi trường kinh doanh chưa được cải thiện nhiều và chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra, tập trung ở một số lĩnh vực sau:

- Về cải cách thủ tục hành chính: Qua báo cáo của Hội đồng đánh giá, xác định chỉ số CCHC tỉnh năm 2017, kiểm tra năm 2017 của Tổ PCI của tỉnh và qua đánh giá của doanh nghiệp thông qua chỉ số PCI, thực hiện cải cách hành chính năm 2017 còn một số tồn tại sau:

+ Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính ở một số Sở, ngành, địa phương còn hạn chế (*Sở Nông nghiệp và PTNT, Thanh tra tỉnh, Lao động – Thương binh và xã hội, Tài nguyên và Môi trường; Huyện Nam Sách, Ninh Giang, Thanh Hà, Thanh Miện, Tứ Kỳ, Bình Giang, Cẩm Giàng, Thị xã Chí Linh, Thành phố Hải Dương*). Việc rà soát, công bố công khai các thủ tục hành

chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa được thực hiện kịp thời (*sở Nội vụ và sở Tài nguyên và Môi trường*).

+ Thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” giữa các cấp còn hạn chế, vẫn còn có cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính không theo cơ chế “một cửa” (*Huyện Nam Sách, TP Hải Dương, Tài nguyên và Môi trường...*).

+ Thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực còn rườm rà, khó thực hiện, (*như: Giải phóng mặt bằng, cấp GCNQSD đất, môi trường, xây dựng, một số thủ tục về điều kiện kinh doanh*). Chi phí thời gian của doanh nghiệp còn lớn để thực hiện các thủ tục hành chính.

+ Triển khai kiến trúc chính quyền điện tử còn chậm; cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thực hiện thủ tục hành chính qua bưu chính công ích đạt còn thấp.

+ Phối hợp giữa các Sở, ngành, địa phương trong giải quyết các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp còn chưa chặt chẽ, thời gian còn kéo dài.

-Về công khai minh bạch các tài liệu, các quy định: Tính công khai minh bạch về các tài liệu quy hoạch các ngành, các lĩnh vực và tài liệu pháp lý chưa được cải thiện rõ nét (*vẫn còn cơ quan đơn vị chưa công khai đầy đủ các tài liệu về quy hoạch, các quy định của Pháp luật như: Xây dựng; Tài nguyên môi trường, UBND thành phố Hải Dương*).

Việc tiếp cận, nghiên cứu và thực hiện của các doanh nghiệp vừa và nhỏ về các quy định của nhà nước, của tỉnh, các quy trình giải quyết các thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tài liệu về các quy hoạch ngành, lĩnh vực còn gặp những khó khăn. Doanh nghiệp vẫn phải gặp và làm việc trực tiếp với cán bộ, công chức để nhận được các thông tin liên quan hoặc trong thực hiện các thủ tục, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các DN phải gặp và thương lượng với cán bộ ngành thuế (*năm 2017 là 50,51%; năm 2016 là 48,67%*).

-Về công tác Thanh tra, kiểm tra: Thực hiện kế hoạch phối hợp thanh tra, kiểm tra của các Sở, ngành, địa phương chưa tốt, vẫn còn tình trạng các Sở, ngành chuyên môn và địa phương tự tổ chức kiểm tra doanh nghiệp, dẫn đến còn có doanh nghiệp bị kiểm tra nhiều lần, chồng chéo. Chi phí thời gian của doanh nghiệp còn nhiều để làm việc với các cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và kiểm tra thuế (*Năm 2017, chi phí thời gian 1 cuộc thanh tra thuế là 24 giờ, năm 2016 là 8 giờ*), còn hiện tượng gây nhiễu cho doanh nghiệp trong thanh tra, kiểm tra.

- Về tính năng động của chính quyền cấp tỉnh: Được DN đánh giá có sự chuyển biến hơn so với năm 2016, quan tâm đến hỗ trợ cho DN phát triển. Tuy nhiên, việc thực thi các cơ chế, chính sách về ưu đãi, giải quyết những vấn đề

liên quan đến đất đai, khoáng sản, thực thi các thủ tục hành chính và các biện pháp cụ thể để hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở một số lĩnh vực còn chậm (*thực tiễn đã được các doanh nghiệp kiến nghị và phản ánh tại Hội nghị đối thoại với DN tháng 3 năm 2018*).

- Về dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp: Các dịch vụ hỗ trợ cho DN đã được các DN quan tâm sử dụng hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, số lượng dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp (*dịch vụ về thông tin thị trường, hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, xúc tiến thương mại, đào tạo, khoa học, pháp lý...*) còn rất thấp so với các tỉnh, chất lượng dịch vụ còn thấp, chưa thông tin quảng bá rộng rãi để người dân và doanh nghiệp biết để sử dụng.

Các Sở, ngành, địa phương chưa thường xuyên quan tâm nắm bắt số lượng, tình hình hoạt động và chất lượng của các dịch vụ thuộc chuyên ngành của mình và trên địa bàn để hướng dẫn, hỗ trợ cho các dịch vụ tư nhân phát triển.

Chưa có nhiều hình thức hoạt động xúc tiến thương mại, thông tin thị trường và các dịch vụ hỗ trợ từ các cơ quan Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công (*năm 2017, tổ chức 12 cuộc hội chợ thương mại, bằng năm 2016*). Công tác hỗ trợ DN tham gia vào các chương trình xúc tiến thương mại, các hội chợ, triển lãm... hoạt động chưa chuyên nghiệp, hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng tăng. Một số sở, ngành, địa phương chưa tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại. Công tác thu thập, xử lý và cung cấp thông tin thị trường còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Công tác đào tạo lao động và các hoạt động dịch vụ về lao động, việc làm đã được quan tâm hơn. Tuy nhiên, chất lượng và số lượng lao động chưa đáp ứng được yêu cầu sử dụng của doanh nghiệp. Việc phối hợp giữa sở chuyên ngành và các địa phương với doanh nghiệp còn chưa thường xuyên để nắm bắt thông tin về nhu cầu sử dụng lao động của DN, về phối hợp giữa đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp.

- Việc giải quyết các tranh chấp của các doanh nghiệp thông qua Tòa án các cấp tỷ lệ còn thấp so với trung bình cả nước. Chất lượng và số lượng giải quyết, xét xử các vụ việc liên quan đến DN của các cơ quan Tòa án các cấp còn có những hạn chế, như: chưa kịp thời, chi phí còn cao. Niềm tin của các doanh nghiệp đối với việc giải quyết các tranh chấp còn rất thấp; công tác trợ giúp pháp lý chưa được nhiều cho các doanh nghiệp trong việc giải quyết các thủ tục pháp lý, trong giải quyết các tranh chấp có liên quan tới doanh nghiệp.

2.3. Nguyên nhân:

a. Nguyên nhân khách quan:

- Thủ tục pháp lý cần phải hoàn chỉnh theo quy định của Nhà nước để doanh nghiệp đi vào đầu tư, sản xuất kinh doanh còn nhiều (*từ đăng ký thành lập doanh nghiệp đến việc phải hoàn thiện các điều kiện kinh doanh đối với*

những lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ...); một số quy định còn chông chéo, chưa rõ ràng khó thực hiện (quy định về điều kiện kinh doanh).

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhiều doanh nghiệp trong quá trình hoạt động còn gặp khó khăn. Nhiều doanh nghiệp chưa chủ động tìm kiếm thị trường, liên doanh, liên kết, chưa có chiến lược kinh doanh ổn định, khả năng nguồn lực còn có hạn, chưa có điều kiện, khả năng để tiếp cận được các chính sách, các nguồn vốn để đầu tư, sử dụng đất đai cho sản xuất kinh doanh.

- Khả năng, mức độ tiếp cận, hiểu pháp luật của các doanh nghiệp vừa và nhỏ để thực hiện các thủ tục hành chính và chấp hành Pháp luật còn hạn chế, chưa chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các chính sách của Nhà nước, các quy định của tỉnh có liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp.

Còn nhiều doanh nghiệp thờ ơ với các hoạt động do chính quyền các cấp tổ chức (*từ việc tuyên truyền, hỗ trợ đến gặp mặt, đối thoại lắng nghe, trao đổi*); các đường dây nóng và các mục HỎI - ĐÁP trên các Cổng Thông tin điện tử tỉnh còn rất ít ý kiến tham gia.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Các Sở, Ban, Ngành, các địa phương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp được UBND tỉnh giao trong các Chương trình, Kế hoạch, Đề án, Chỉ thị còn chậm; một số Sở, ngành, địa phương chưa thực sự coi trọng việc nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm, trong chỉ đạo, triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình, còn chưa chủ động và quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành. Còn nhiều Sở, ngành, UBND cấp huyện chưa chấp hành nghiêm chế độ thông tin, báo cáo định kỳ về kết quả thực hiện theo quy định.

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính của các cấp, các Sở, ngành chưa được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, chưa áp dụng được yêu cầu về giải quyết công việc cho doanh nghiệp; phối kết hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc giải quyết các thủ tục hành chính chưa được chặt chẽ và hiệu quả chưa cao; chưa thực hiện việc phối hợp lồng ghép rút ngắn thời gian trong giải quyết thủ tục hành chính của một số lĩnh vực (*lĩnh vực đầu tư, đất đai*).

- Các cơ quan, đơn vị chưa phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, đặc biệt trong việc xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT, báo cáo kết quả ứng dụng CNTT, cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử thành phần, ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị... Thủ trưởng các cơ quan đơn vị chưa thực sự coi trọng việc ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo điều hành và giải quyết công việc chuyên môn nghiệp vụ.

- Hệ thống một cửa điện tử chưa thống nhất toàn tỉnh nên chưa liên thông được cơ sở dữ liệu (*hiện tại sở Thông tin và Truyền thông đang triển khai thống nhất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ*).

- Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc chưa đáp ứng được yêu cầu gửi và xử lý liên thông giữa các đơn vị, chưa tích hợp chữ ký số; chưa tích hợp được với hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến để chuyển và xử lý liên thông hồ sơ.

- Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan Nhà nước còn chậm, một số cán bộ công chức thực hiện giải quyết công việc cho các doanh nghiệp năng lực chuyên môn còn yếu, ý thức trách nhiệm và hiệu quả công việc chưa cao.

- Một số sở, ngành, địa phương chưa quan tâm, chủ động và kịp thời thực hiện việc rà soát, công bố công khai các thủ tục hành chính, các tài liệu quy hoạch, các quy định của nhà nước có liên quan; Các Sở, ngành, địa phương chưa có nhiều hình thức thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc công bố công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, các quy định của Nhà nước và của tỉnh, các tài liệu liên về quy hoạch, kế hoạch, các tài liệu về ngân sách, thuế... liên quan quan tới Sở, ngành, đơn vị.

- Một số cơ quan chuyên môn và địa phương chưa chấp hành nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về công tác kiểm tra doanh nghiệp. Công tác theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phối hợp kiểm tra giữa các Sở, ngành, địa phương còn chưa thường xuyên và chặt chẽ, vẫn còn tình trạng các cơ quan chuyên môn và địa phương tự tổ chức kiểm tra đối với doanh nghiệp, dẫn đến số cuộc kiểm tra các doanh nghiệp còn nhiều, nội dung kiểm tra một doanh nghiệp còn trùng lặp.

- Hoạt động của các cơ quan toà án các cấp của tỉnh trong việc xét xử các vụ kiện kinh tế liên quan đến doanh nghiệp còn chưa được nhanh chóng, kịp thời, công bằng, chậm được thực thi; tỷ lệ vụ án đã được giải quyết đạt còn thấp hơn so với trung bình cả nước; chưa có nhiều hình thức trợ giúp pháp lý có hiệu quả cho các doanh nghiệp trong việc giải quyết các thủ tục pháp lý, trong giải quyết các tranh chấp có liên quan tới doanh nghiệp.

- Một số Sở, ngành, địa phương chưa chủ động tích cực nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của DN, chủ yếu nhận được phản ánh từ phía DN; một số Sở, ngành, địa phương xử lý những khó khăn, vướng mắc còn chậm và chưa dứt điểm, như: Xử lý những vướng mắc về bồi thường GPMB, thuế, tiền sử dụng đất, môi trường, điện...

- Việc phối hợp giữa các Hội, Hiệp Hội doanh nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp với các Sở, ngành, các địa phương chưa được thường xuyên và chặt chẽ trong nắm bắt, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, trong quá trình xây dựng các quy định, cơ chế chính sách của tỉnh liên quan tới doanh

nghiệp, trong việc thực hiện những nhiệm vụ giải pháp để cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Hiện tỉnh có nhiều Hội, Hiệp hội nhưng số lượng doanh nghiệp tham gia rất ít, hoặc chỉ có trên danh sách mà thực tế thì rất ít tham gia hoạt động hội (*tổng số hội viên các hội chưa đến 1000 hội viên, chiếm chưa đến 10% tổng số doanh nghiệp*).

III. Một số nhiệm vụ chủ yếu:

Hiện nay, các tỉnh, thành phố trong cả nước đang tiếp tục cải cách rất mạnh mẽ để nâng cao năng lực cạnh tranh, đây là áp lực rất lớn đối với việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Để đạt được mục tiêu phấn đấu PCI của tỉnh năm 2018 ở nhóm 30, như vậy năm 2018 nếu Hải Dương muốn tăng hạng và trở lại top khá thì phải cố gắng đạt được ít nhất 65 điểm trở lên (tăng gần 5 điểm so với năm 2017). UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị có liên quan tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm năm 2018 như sau:

1. Những nhiệm vụ chung

1.1. Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã phải thực sự coi trọng việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm và cấp thiết của đơn vị mình; tiếp tục quán triệt, nâng cao về nhận thức về chỉ số PCI cho toàn thể cán bộ công chức, viên chức và triển khai đầy đủ, kịp thời và quyết liệt những nhiệm vụ, giải pháp đã được UBND tỉnh giao tại Đề án “Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Hải Dương” giai đoạn 2016-2020, các Chương trình, Kế hoạch, Chỉ thị, Quyết định của UBND tỉnh về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

1.2. Các cơ quan, các đơn vị được UBND tỉnh giao chủ trì trong Đề án “Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2020” và những nhiệm vụ được giao trong năm 2018 phải thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao, tăng cường đôn đốc và thường xuyên nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ của các Sở, ngành, địa phương đã được giao trong đề án PCI, định kỳ hàng quý phải tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh và Tổ công tác PCI của tỉnh.

1.3. Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị liên quan tập trung nghiên cứu kỹ những nội dung cụ thể của các chỉ số thành phần, đánh giá những kết quả đã đạt được, những tồn tại và nguyên nhân về những chỉ số thành phần suy giảm điểm liên quan đến quản lý của ngành, địa phương, đơn vị; tập trung thực hiện ngay các giải pháp để cải thiện những chỉ số thành phần có trọng số cao nhưng điểm số còn thấp và những chỉ số thành phần ít được cải thiện, suy giảm điểm.

1.4. Các Sở, ngành, địa phương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và những nhiệm vụ được phân công phải giao nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể cho các phòng, đơn vị; định kỳ kiểm tra, báo cáo việc thực hiện. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để giảm điểm hoặc không tăng điểm đối với các chỉ số thành phần liên quan tới ngành, đơn vị mình; kiểm điểm và làm rõ nguyên nhân nếu Sở, ngành, địa phương nào có nhiều ý kiến phản ánh không hài lòng của các tổ chức, cá nhân đến giao dịch, làm việc. Kiên quyết xử lý, điều chuyển cán bộ gây phiền hà, sách nhiễu người dân và doanh nghiệp.

2. Những nhiệm vụ cụ thể

2.1. Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị có liên quan tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, trong đó tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Thường xuyên cập nhật, rà soát, kiến nghị loại bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, các quy định của tỉnh đã hết hiệu lực, khẩn trương hoàn chỉnh xây dựng và tham mưu cho UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện các quy định cụ thể theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh. Sở Tư pháp có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, tổng hợp kết quả thực hiện hàng quý báo cáo UBND tỉnh.

- Rà soát, công bố công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính, các quy trình và thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến Sở, ngành, địa phương trên các trang thông tin điện tử và tại bộ phận "một cửa". Tiếp tục kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận "một cửa", tập trung bố trí những cán bộ, công chức có đủ năng lực, trình độ, phẩm chất thực hiện nhiệm vụ tại bộ phận "một cửa" và những phòng, bộ phận trực tiếp giải quyết công việc cho các tổ chức, cá nhân. Sở Nội vụ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, tổng hợp kết quả thực hiện hàng quý báo cáo UBND tỉnh.

- Tiếp tục triển khai những giải pháp cụ thể để thực hiện rút ngắn 50%-60% thời gian giải quyết các thủ tục hành chính (*đầu tư, đăng ký kinh doanh, đất đai, môi trường, xây dựng, giao thông, điện, phòng chống cháy nổ, thuế, hải quan, lao động, bảo hiểm xã hội...*) cho các tổ chức, cá nhân theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh. Phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính của một số lĩnh vực; thời gian phối hợp thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức tham gia ý kiến bằng văn bản đối với các Sở, ngành, địa phương thực hiện tối đa 7 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu. Sở Nội vụ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, tổng hợp kết quả thực hiện hàng quý báo cáo UBND tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hành chính và hoạt động của từng cơ quan, đơn vị: Sở Thông tin truyền thông tham mưu cho UBND tỉnh giao chỉ tiêu và trách nhiệm cho từng Sở, ngành, địa phương về thực hiện thủ tục hành chính thông qua phương tiện mới (*như trực tuyến, qua bưu chính công ích*); triển khai xây dựng công thông tin hành chính công của tỉnh; phối hợp với các Sở, ngành, địa phương đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin, cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử thành phần.

2.2. Tiếp tục rà soát, công bố công khai minh bạch, rộng rãi các quy định của nhà nước và của tỉnh, các quy hoạch, kế hoạch và các tài liệu về thuế, ngân sách các cấp...theo đúng quy định của Nhà nước.

- Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn: Tiếp tục rà soát và thực hiện nghiêm túc việc công bố công khai, minh bạch các quy hoạch ngành, lĩnh vực, các quy hoạch xây dựng, các quy định của Nhà nước và của tỉnh có liên quan, các tài liệu về thuế, ngân sách Nhà nước theo quy định, đồng thời thông tin các địa chỉ đã công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận, nghiên cứu, thực hiện. Sở Thông tin truyền thông có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, tổng hợp kết quả thực hiện hàng quý báo cáo UBND tỉnh .

- Cục Thuế tỉnh: Rà soát, công bố công khai minh bạch, rộng rãi các thủ tục, các quy định của nhà nước, các tài liệu về thuế theo quy định, đẩy mạnh việc kê khai, thu nộp thuế qua mạng điện tử, khắc phục ngay tình trạng doanh nghiệp phải gặp trực tiếp cán bộ thuế trong việc kê khai, thu nộp thuế.

- Sở Thông tin truyền thông: Thường xuyên đôn đốc các cơ quan, đơn vị cung cấp và cập nhật thông tin trên cổng/trang thông tin của các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là việc cập nhật các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình, các tài liệu thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để cung cấp trên trang thông tin điện tử của tỉnh được kịp thời. Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, tổ chức kiểm tra, có các giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng các trang thông tin điện tử của tỉnh và của các Sở, ngành, địa phương (*đặc biệt là nâng cao chất lượng và độ mở các Web site*), các chuyên mục hỏi đáp của các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã. Triển khai công thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, các trang thông tin của các xã, phường, thị trấn.

2.3. Thanh tra tỉnh, các Sở chuyên ngành, cơ quan thuế và UBND các huyện, thành phố, thị xã tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 21/6/2016 về chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt, không tự thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra khi chưa

phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm hoặc chưa được UBND tỉnh giao nhiệm vụ. Thanh tra tỉnh phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch phối hợp trong Thanh tra, kiểm tra năm 2018, phát hiện và xử lý kịp thời sự chông chéo trong thanh tra, kiểm tra của các cơ quan, đơn vị. Chánh Thanh tra tỉnh, thủ trưởng các Sở chuyên ngành, cơ quan thuế và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã các phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để các phòng, ban, đơn vị của mình vi phạm các quy định về công tác thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp.

Thanh tra tỉnh có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, tổng hợp kết quả thực hiện hàng quý báo cáo UBND tỉnh.

2.4. Các Sở: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Giáo dục đào tạo:

- Tăng cường công tác quản lý, phát triển và nâng cao chất lượng đối với các loại hình dịch vụ về lĩnh vực thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, Khoa học công nghệ, pháp lý, đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình hoạt động và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân phát triển và hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Thông tin tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, kết nối giữa các đơn vị làm dịch vụ với các Hiệp hội, Hội DN của tỉnh để mọi người dân và DN biết và tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ hỗ trợ.

- Đẩy mạnh hỗ trợ cho DN đầu tư ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, nâng cao năng xuất, chất lượng sản phẩm, đăng ký quyền bảo hộ.

- Tăng số lượng và chất lượng các Hội chợ thương mại của tỉnh, tổ chức tốt Kế hoạch xúc tiến thương mại năm 2018; tuyên truyền phổ biến sâu rộng về hội nhập quốc tế (như các chính sách, các cam kết hội nhập); các Hiệp định thương mại Việt Nam đã ký kết.

2.5. Sở Lao động thương binh và Xã hội, sở Giáo dục đào tạo và các địa phương:

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông tin tuyên truyền rộng rãi về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh và khu vực để DN biết và phối hợp hợp tác trong tuyển dụng và đào tạo nghề phù hợp với yêu cầu sử dụng; Định kỳ hàng quý thông tin về số lượng, chất lượng, nghề nghiệp của lao động đã được đào tạo để DN biết và sử dụng.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, quy hoạch lại tổ chức hệ thống giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng

lao động, tổ chức khảo sát đánh giá nguồn lao động và nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp để có Kế hoạch đào tạo phù hợp, đào tạo có địa chỉ và theo đơn đặt hàng của DN; dự kiến nguồn lao động và nhu cầu sử dụng của các DN trong trung hạn và dài hạn.

- Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả các trung tâm giới thiệu việc làm, các sàn giao dịch về việc làm trên địa bàn tỉnh. Thông tin rộng rãi về đến người lao động về việc làm, nhu cầu tuyển dụng của các DN. Phối hợp giữa các tổ chức đào tạo Đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp với các sàn giao dịch để tổ chức các phiên giao dịch nhằm kết nối giữa DN với các trường đào tạo.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, công khai minh bạch các hồ sơ, thủ tục; giải quyết hồ sơ, thủ tục nhanh, gọn để tạo mọi điều kiện cho người lao động và DN trong tiếp cận và tiếp nhận lao động.

2.6. Tòa án tỉnh và các cơ quan tòa án các cấp tập trung rà soát, khẩn trương giải quyết những vụ việc còn tồn đọng liên quan tới các doanh nghiệp; nâng cao chất lượng, giải quyết kịp thời, công bằng, đúng pháp luật trong việc xét xử các vụ việc liên quan tới các doanh nghiệp. Sở Tư pháp thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các cơ quan trợ giúp pháp lý tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư vấn, trợ giúp pháp lý cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

2.7. Các Sở, ngành, địa phương trong quan hệ làm việc và giải quyết các công việc cho các doanh nghiệp phải tạo mọi điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự công khai, công bằng, bình đẳng, đúng quy định của Pháp luật giữa các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc lập và thực hiện các thủ tục hành chính, có điều kiện tiếp cận các chính sách của Nhà nước, tiếp cận nguồn vốn, đất đai, điện năng...

2.8. Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc tổ chức đối thoại của tỉnh với các doanh nghiệp, tổ chức các hình thức đối thoại phù hợp, thông báo công khai rộng rãi về các cuộc đối thoại, tiếp tục duy trì tốt chuyên mục hỏi đáp để nắm bắt được nhiều ý kiến, kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp. Kịp thời giải quyết những kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp ngay sau các cuộc đối thoại hoặc ngay sau khi nhận được ý kiến phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp. Các Sở, ngành, địa phương phải báo cáo kịp thời với UBND tỉnh về trả lời, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, những kiến nghị, đề nghị của các doanh nghiệp. Giao cho sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên theo dõi, định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã.

UBND các huyện, thành phố, thị xã tăng cường phối hợp với các Sở, ngành liên quan, tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan và nhà

đầu tư để thực hiện tốt công tác bồi thường GPMB, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với các dự án đảm bảo thực hiện theo đúng tiến độ quy định.

2.9. Yêu cầu các Sở, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc việc luân chuyển vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của tỉnh, đặc biệt cần thực hiện ngay việc chuyển đổi, luân chuyển đối với một số cán bộ công chức thực hiện giải quyết công việc cho các doanh nghiệp năng lực chuyên môn còn yếu, ý thức trách nhiệm và hiệu quả công việc chưa cao.

2.10. Sở Nội vụ phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Trung tâm hành chính công của tỉnh và Trung tâm xúc tiến đầu tư chung của tỉnh (trên cơ sở kiện toàn lại chức năng nhiệm vụ của các Trung tâm xúc tiến đầu tư của Sở, ngành liên quan) nhằm giúp tư vấn, hỗ trợ công việc từ đầu đến cuối cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nước ngoài. Đồng thời, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2.11. Yêu cầu các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã cần đặt ra lịch hàng tháng, vào một ngày cụ thể để lãnh đạo đối thoại với doanh nghiệp, từ đó tháo gỡ, giải tỏa khó khăn, vướng mắc, thể hiện được sự quan tâm của cơ quan công quyền đối với doanh nghiệp.

2.12. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, các phòng, đơn vị trực thuộc trong việc thực thi các chủ trương, cơ chế chính sách của Nhà nước và của tỉnh đối với DN; chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, của Tỉnh ủy và UBND tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, về kỷ cương thực thi công vụ, về chấn chỉnh công tác Thanh tra và kiểm tra, về giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của DN. Các Sở, ngành, địa phương phải kịp thời kiến nghị, đề nghị về các giải pháp với cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của DN vượt khỏi thẩm quyền của cơ quan, đơn vị mình.

2.13. Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ Công tác PCI của tỉnh và giao nhiệm vụ kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, giám sát các sở, ban, ngành, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ; đồng thời nắm bắt, xử lý ngay các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Ở cấp huyện cũng thành lập một Tổ công tác với chức năng, nhiệm vụ như trên. Giao thẩm quyền cho Tổ công tác PCI của tỉnh có nhiệm vụ giúp Chủ tịch UBND tỉnh điều phối, thực hiện tốt sự phối hợp trong hoạt động của các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương về công tác hỗ trợ doanh nghiệp, trọng tâm là kịp thời nắm bắt, giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; đa dạng hóa kênh thông tin phản ánh, tiếp nhận và phản hồi, giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp.

2.14. Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh, về những kết quả đã đạt được, về những nhiệm vụ, giải pháp

tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục duy trì và mở thêm các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề về cải thiện các chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh, các cơ quan nhà nước phải có trách nhiệm tham gia tích cực, chủ động, hiệu quả cùng với cộng đồng doanh nghiệp, các chuyên gia.

2.15. Đề nghị các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp tăng cường hơn nữa việc phối hợp với các Sở, ngành; thường xuyên thông tin kịp thời với các Sở, ngành, chính quyền các cấp về những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp để có các giải pháp tháo gỡ kịp thời; tích cực tham gia trong việc xây dựng và phản biện các chính sách, các quy định của tỉnh với tinh thần thẳng thắn đóng góp ý kiến, đề xuất các sáng kiến, hiến kế, thường xuyên thông tin tới các doanh nghiệp về các quy định, các chính sách mới của Nhà nước và của tỉnh để góp phần tích cực cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của tỉnh. *HN*

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Tổ Công tác PCI tỉnh;
- Lưu VT. Nam(60) *HN*

